

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÁO BẠCH



LILAMA 69-3., JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800001972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 04/09/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 82./GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 12 năm 2017)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Biến Cơ Hội Thành Giá Trị

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

Địa chỉ: Số 515 đường Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220.3852584

Fax: 0220. 3853958

Website: www.lilama69-3.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, số 01 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38181888

Fax: (84-4) 38181 688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Đỗ Xuân Trường

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: 0220 3852584

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800001972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 04/09/2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama 69-3
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Giá bán: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán: 2.230.309 cổ phiếu
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 467.540 cổ phiếu
Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 1.762.769 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán: 22.303.090.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

○ *Trụ sở chính:*

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà TT Hội nghị Công Đoàn, số 01 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 8181888

Fax: (84 - 24) 3 8181688

Website: www.shs.com.vn

○ *Chi nhánh Tp. HCM:*

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 39151368

Fax: (84 - 24) 3 9151369

○ *Chi nhánh Đà Nẵng:*

Địa chỉ: Số 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Điện thoại: (84-236) 3525777

Fax: (84-236) 3525779

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 3, Biệt thự 2, KĐT Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3767 0720

Fax: (84-24) 3767 0721

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế	1
2. Rủi ro về luật pháp	3
3. Rủi ro đặc thù	4
4. Rủi ro của đợt chào bán, của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	4
5. Rủi ro pha loãng	5
6. Rủi ro quản trị công ty	7
7. Rủi ro khác	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức tư vấn	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
2. Cơ cấu tổ chức công ty	12
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/03/2017	17
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con	19
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	20
6. Hoạt động kinh doanh	21
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2015 và 2016	26
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	28
9. Chính sách đối với người lao động	30
10. Chính sách cổ tức	32
11. Tình hình tài chính	33
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	39
14. Tài sản	51
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	54
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	54
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	55
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	55
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	55

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	56
1. Loại cổ phiếu	56
2. Mệnh giá	56
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	56
4. Giá chào bán dự kiến	56
5. Phương pháp tính giá	56
6. Phương thức phân phối	56
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	57
8. Đăng ký mua cổ phiếu	58
9. Phương thức thực hiện quyền	58
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	60
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	60
12. Các loại thuế có liên	61
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	62
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	62
1. Mục đích chào bán	62
2. Phương án khả thi	64
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	65
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	66
1. Tổ chức tư vấn phát hành	66
2. Tổ chức kiểm toán	67
3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn và Bảo lãnh phát hành về đợt chào bán	67

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

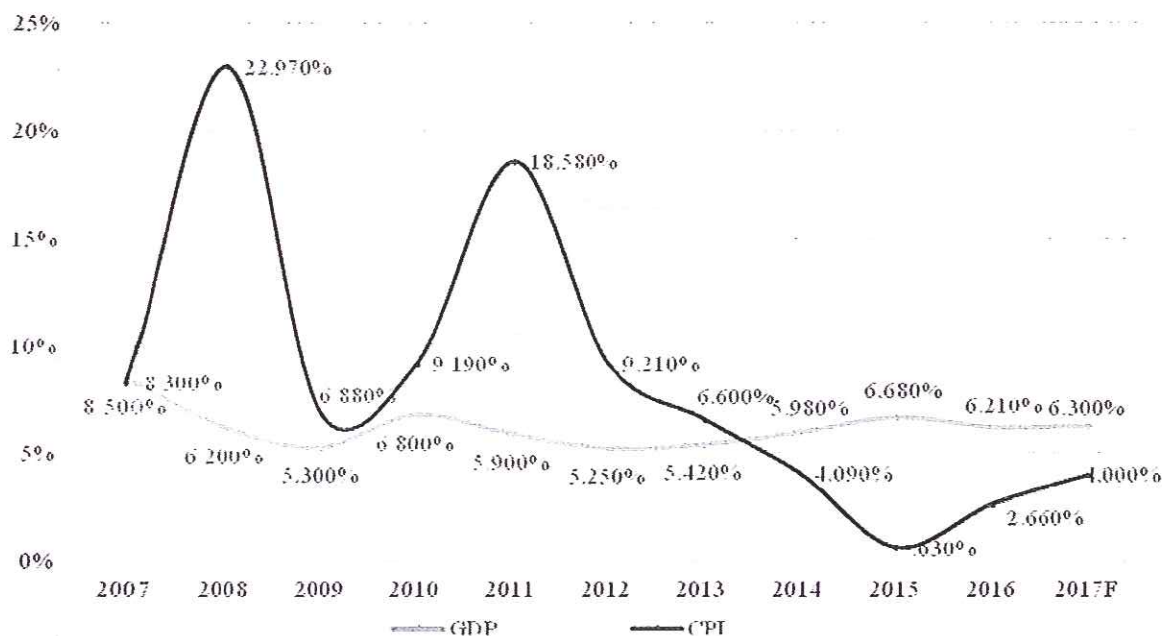
1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Lilama 69-3 nói riêng.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2016, nền kinh tế Việt Nam có mức tăng trưởng GDP đạt 6,21% (trong đó quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56% và quý IV tăng 6,68%), thấp hơn mức 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Mức tăng trưởng này đã vượt dự đoán 6% mà Ngân hàng Thế giới đưa ra năm 2016, giúp Việt Nam đứng thứ 4 trong nhóm các quốc gia đang phát triển tại châu Á, sau Ấn Độ, Trung Quốc và Philippines.

Tăng trưởng GDP và chỉ số CPI của Việt Nam giai đoạn 2007 – 2016 và triển vọng 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê và dự báo của WB

Trong mức tăng 6,21% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng

chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước, đóng góp 2,59 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,98%, đóng góp 2,67 điểm phần trăm.

Trước mức tăng trưởng chậm lại sau chuỗi tăng liên tiếp của giai đoạn 2012 – 2015, Tổng cục Thống kê cho biết, khí hậu khắc nghiệt, thiên tai biến đổi và nền kinh tế toàn cầu không thuận lợi là những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này. Điển hình, hạn hán ở vùng trồng cà phê Tây Nguyên, nhiễm mặn ở đồng lúa đồng bằng sông Mekong, giá rét ở miền Bắc và ngập lụt ở miền Trung đã làm giảm mức tăng trưởng ngành nông nghiệp xuống chỉ còn 1,36%. Trong năm, thiên tai đã gây thiệt hại 18,3 ngàn tỷ đồng (tương đương 813 triệu USD). Ngành khai khoáng của Việt Nam giảm 4% năm nay do giá than và dầu thô thế giới sụt giảm. Sự cố môi trường biển hồi tháng Tư do nhà máy sản xuất thép ở Hà Tĩnh, thuộc tập đoàn Formosa Đài Loan gây ra đã làm cạn kiệt nguồn cá và gây thiệt hại lớn cho ngành du lịch.

Tuy tăng trưởng chậm song Báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2016 của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia (NFSC) nhận định điểm sáng trong điều hành chính sách vĩ mô 2016 là thực thi chính sách tiền tệ linh hoạt, nhân tố chủ đạo hỗ trợ cho doanh nghiệp, góp phần ổn định thị trường tài chính, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nhưng vẫn đảm bảo lạm phát ổn định.

Năm 2017, tăng trưởng GDP được Chính phủ đặt ra là 6,7%. NFSC nhận định, trong năm 2017 tới, tăng trưởng kinh tế sẽ được cải thiện khá nhờ cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, giá năng lượng và nông sản thế giới được dự báo phục hồi, tạo xung lực mới cho khu vực tư nhân. Khu vực này sẽ trở thành động lực chính của năm 2017. Chính vì vậy, tăng trưởng kinh tế năm 2017 có khả năng đạt mức 6,7%.

Một số tổ chức khác cũng đưa ra dự báo về mức tăng trưởng kinh tế 2017 của Việt Nam như: Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự đoán tăng trưởng của Việt Nam đạt 6,3%; Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho rằng Việt Nam chỉ có thể đạt 6,2%. Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (NCIF) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã đưa ra hai kịch bản dự báo tích cực về triển vọng nền kinh tế nhờ tác động từ những chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ thời gian qua: Theo kịch bản 1 (kịch bản cơ sở) với nhiều khả năng xảy ra hơn; trong đó, nền kinh tế tiếp tục được duy trì ổn định và tiếp đà phát triển, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện tăng trưởng kinh tế năm 2017 sẽ ở mức khoảng 6,44%, lạm phát khoảng 5%. Với kịch bản 2 (kịch bản cao), tăng trưởng kinh tế được dự báo khoảng 6,72% và lạm phát ở mức 6%.

Những biến động trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới tốc độ đầu tư và mức chi tiêu của nền kinh tế, từ đó ảnh hưởng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lạm phát

CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015. Mức tăng CPI tháng 12/2016 so với cùng kỳ năm 2015 và mức tăng CPI bình quân năm 2016 so với bình quân năm 2015 tăng cao hơn so với năm trước, nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây (Biểu đồ 1), đồng thời vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra.

Năm 2017, nghị quyết của Quốc hội đã đề ra mục tiêu tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%. Tuy nhiên, Báo cáo diễn biến thị trường giá cả năm 2016 của Vụ thị trường trong nước (Bộ Công Thương) nhận định, năm 2017, chỉ số giá tiêu dùng bình quân sẽ chịu nhiều áp lực tăng từ giá thế giới, điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý và chính sách tiền tệ. Do đó, mục tiêu Quốc hội giao là khoảng 4% khó đạt được. Bên cạnh đó, việc đồng USD tăng giá và mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2017 tương đối cao là 6,7% sẽ tạo sức ép lên lạm phát trong năm tới. Báo cáo triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam do khối nghiên cứu của Ngân hàng HSBC mới công bố với thông điệp “Triển vọng thị trường Việt Nam: Nhiều lý do để phấn khởi” cũng đã dự báo, trong năm 2017, lạm phát của Việt Nam có thể sẽ dao động từ 4,4% đến 4,8% trong mỗi quý.

Lạm phát tăng có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu vào, hoạt động sản xuất kinh doanh theo đó có khả năng bị đình trệ, các doanh nghiệp và người tiêu dùng sẽ tiết giảm chi phí, giảm đầu tư dẫn đến ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lãi suất tín dụng

Rủi ro lãi suất xảy ra khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay. Từ cuối năm 2013 đến nay, mặt bằng lãi suất ngân hàng đã giảm do lạm phát tiếp tục được kiểm soát theo mục tiêu Chính phủ đề ra sẽ là cơ hội thúc đẩy tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế. Đối với hoạt động của Lilama 69-3 nói riêng, mặt bằng lãi suất hiện nay là cơ hội để sử dụng đòn bẩy để kết hợp nguồn vốn chủ sở hữu bổ sung nguồn vốn lưu động cho các dự án lắp máy.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Công ty hiện hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ý thức được những vấn đề trên, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu những quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện đúng và tuân thủ luật pháp. Do đó, rủi ro về luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty được hạn chế ở mức thấp, không ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

Đặc thù của hoạt động xây lắp là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu được thực hiện theo từng giai đoạn. Bên cạnh đó, quá trình thi công còn phụ thuộc vào các yếu tố như độ phức tạp của dự án, thời tiết, chính sách thuế, tiền lương vv...

Do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là gia công chế tạo, xây lắp nên chi phí vật tư thường chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất. Sự biến động về giá cả của nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần của Công ty chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố như diễn biến của thị trường chứng khoán tại thời điểm chào bán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, những thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá cả giao dịch cổ phiếu Công ty CP Lilama 69-3 dẫn đến rủi ro không bán hết số cổ phần chào bán. Trong trường hợp không chào bán hết HĐQT sẽ huy động vốn từ các nguồn khác để đảm bảo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc sẽ điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ngoài ra, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu từ chối mua cho các đối tượng khác do đó tăng khả năng huy động đủ nguồn vốn phục vụ kinh doanh như kế hoạch ban đầu.

Rủi ro của phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được bổ sung vốn lưu động sử dụng, đảm bảo cho hoạt động của các dự án xi măng, nhiệt điện trọng điểm có thời gian xây lắp kéo dài.

Những rủi ro đến từ việc sử dụng tiền này tương tự *Rủi ro đặc thù* của ngành và riêng Lilama 69-3.

5. Rủi ro pha loãng

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share);
- (ii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần;
- (iii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết;
- (iv) giá thị trường điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Trong đợt phát hành này, Công ty chào bán 1.762.769 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành thêm 467.540 cổ phiếu thưởng. Số cổ phiếu của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 28,71% so với số cổ phiếu đang lưu hành.

Sau khi Công ty chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty cũng tăng lên tương ứng.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phần)	(1)	7.769.691
Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	(2)	1.762.769
Số lượng cổ phiếu thưởng	(3)	467.540
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán (cổ phần)	(4) = (1) + (2) + (3)	10.000.000

❖ *Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu – EPS*

EPS có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà Công ty huy động được trong đợt chào bán này để tái cơ cấu nợ và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành

✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm

✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của Công ty là 30/11/2017. Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu lưu} &= \frac{7.769.691 * 12 + 2.230.309 * 1}{12} = 7.955.550 \text{ cp} \\ \text{hành bình quân trong kỳ} & \end{aligned}$$

Ví dụ, Lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo kế hoạch kinh doanh sau tăng vốn của Công ty là 4.160.000.000 đồng.

Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{EPS năm 2017 (dự kiến)} &= \frac{4.160.000.000}{7.769.691} = 535 \text{ đồng/cổ phần} \\ \text{nếu không cần tăng vốn} & \\ \text{EPS năm 2017 (dự kiến)} &= \frac{4.160.000.000}{7.955.550} = 523 \text{ đồng/cổ phần} \\ \text{sau khi pha loãng} & \end{aligned}$$

Sau khi chào bán thành công, EPS năm 2016 của Công ty bị giảm 2% so với trước khi chào bán.

❖ **Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách**

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)

Công thức tính:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ \text{trên mỗi cổ phần} & \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2016 là 13.971 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

❖ **Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

❖ **Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu**

Việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá cổ phiếu của Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức như sau:



$$P_{\text{điều chỉnh}} = \frac{N_1 * PR_{(t-1)} + N_2 * PR}{N_1 + N_2}$$

Trong đó:

$PR_{(t-1)}$: giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền

PR : Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu

N_1 : Số cổ phiếu lưu hành trước đợt phát hành

N_2 : Số cổ phiếu phát hành thêm

Ví dụ:

Giả sử giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần; giá cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường là 7.000 đồng/cổ phần; giá cổ phiếu được pha loãng như sau:

$$P_{\text{điều chỉnh}} = \frac{7.769.691 * 7.000 + 1.762.769 * 10.000 + 467.540 * 0}{7.769.691 + 1.762.769 + 467.540} = 7.202 \text{ (đồng/cổ phần)}$$

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông. Nếu HĐQT Công ty làm việc không hiệu quả, không minh bạch, thiếu cơ chế phản biện sẽ không kịp thời phát hiện được rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành, cũng như khó có thể đưa ra biện pháp xử lý những thiệt hại do sai phạm gây ra.

Hiện nay, Luật doanh nghiệp 2014 và nhiều các văn bản pháp luật khác đã đề cập đến và quy định về việc quản trị công ty, công khai thông tin trong các trường hợp cụ thể. Bằng việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn quản trị minh bạch trong nội bộ công ty, việc công bố thông tin thường xuyên cũng là một biện pháp giảm thiểu rủi ro cho các cổ đông của công ty, tạo dựng sự tin tưởng từ các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty.

7. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ tác động tới tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là các rủi ro thiên tai như lũ lụt, hỏa hoạn, động đất, cháy nổ. Công ty đã có những biện pháp phòng ngừa như lắp đặt các hệ thống phòng chống cháy nổ, mua bảo hiểm tài sản nhằm hạn chế tối đa thiệt hại khi có rủi ro xảy ra.

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI
DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****Công ty Cổ phần Lilama 69-3**

Ông Đỗ Trọng Toàn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Cao Việt Cường	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Xuân Trường	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà Cao Thị Dự	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn**Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội**

Đại diện theo pháp luật:

Ông Vũ Đức Tiến	Chức vụ: Tổng Giám đốc
-----------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Lilama 69-3. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Lilama 69-3 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty Cổ phần Lilama 69-3
Lilama 69-3	: Công ty Cổ phần Lilama 69-3
Tổ chức chào bán	: Công ty Cổ phần Lilama 69-3
Tổ chức kiểm toán	: Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Tổ chức tư vấn	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
SHS	: Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
CTCP	: Công ty cổ phần
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 69-3
Điều lệ	: Điều lệ Tổ chức và hoạt động CTCP Lilama 69-3
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
TGD	: Tổng Giám đốc
BCTC	: Báo cáo tài chính
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
TSCĐ	: Tài sản cố định
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Lilama 69-3
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 08000001972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 04/09/2015.
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 515 đường Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, thành Phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : 0220 3852584
- Fax : 0220 3853958
- Website : www.lilama69-3.vn
- Vốn điều lệ : 77.696.910.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại: Gia công thiết bị đồng bộ trong dây chuyền
Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện.
Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Sản xuất vật liệu xây dựng.
Đóng tàu và cầu kiện nổi: Đóng mới các phương tiện vận tải thủy đến 3.000 tấn.
Sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận tải: sửa chữa các phương tiện vận tải thủy đến 3.000 tấn, lắp đặt các loại máy tàu thủy đến 1.050 CV, sửa chữa tàu công trình, tàu nạo vét.
Dịch vụ vận tải thủy các loại hàng hóa và hành khách.
Đào tạo phổ cập tay nghề cho công nhân các ngành: cơ khí, điện, sửa chữa thiết bị, xây lò công nghiệp.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Quá trình hình thành xây dựng và phát triển của Công ty cổ phần Lilama 69-3 luôn gắn liền với ngành lắp máy Việt Nam.

Ngày 19/5/1961 công trường lắp máy Nhà máy nhiệt điện Ưông Bí, tiền thân của Công ty cổ phần LILAMA 69-3, được thành lập. Trong giai đoạn này thực hiện chủ trương của



Đảng và Nhà nước về xây dựng CNXH ở miền Bắc, CBCNV công trường lắp máy Ưng Bí đã vượt qua nhiều khó khăn trong thời chiến để xây dựng Nhà máy nhiệt điện Ưng Bí, một trong những nhà máy cung cấp điện năng lớn nhất nước ta thập niên 60-70 thế kỷ trước.

Sau đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, ngành lắp máy nhanh chóng được sắp xếp lại về tổ chức, hình thành các đơn vị mạnh chuyên về thi công lắp máy.

Năm 1975 công trường lắp máy Ưng Bí được sáp nhập với công trường lắp máy Cẩm Phả. Năm 1976 công trường lắp máy Ưng Bí tiếp tục sáp nhập với công trường lắp máy Hà Bắc và đổi tên thành Xí nghiệp lắp máy số 6; công trường lắp máy Hoàng Thạch sáp nhập với công trường Ưng Bí lấy tên là xí nghiệp lắp máy số 9.

Năm 1979, thành lập Liên hợp lắp máy 69 gồm các Xí nghiệp Lắp máy: 69-1 (Phả Lại); 69-2 (Hải Phòng); 69-3 (Ưng Bí); 69- 4 (Hoàng Thạch).

Đến tháng 8 năm 1988, Xí nghiệp lắp máy 69-3 và 69-4 được sáp nhập thành Xí nghiệp lắp máy 69-3.

Năm 1996 Tổng Công ty lắp máy được thành lập, Xí nghiệp lắp máy 69-3 được đổi tên thành Công ty lắp máy & xây dựng 69-3.

Năm 2000 đến 2002, Công ty tiếp nhận 3 Công ty thuộc sở Công nghiệp, Sở giao thông vận tải, Đài phát thanh truyền hình tỉnh Hải Dương. Sau khi tiếp nhận, Công ty đã đầu tư mở rộng nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hoá ngành nghề, giải quyết việc làm và chế độ chính sách cho người lao động.

Ngày 06/3/2007 Bộ xây dựng ra quyết định số 351/QĐ-BXD chuyển Công ty lắp máy & xây dựng 69 - 3 thành Công ty cổ phần Lilama 69 -3 (vốn nhà nước chiếm 66,76%).

Ngày 25/7/2007, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800001972 với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, Công ty đã trải qua 02 đợt tăng vốn điều lệ đảm bảo hoạt động kinh doanh ngày càng được mở rộng. Đến nay, vốn điều lệ của Công ty đạt 77.696.910.000 đồng.

Ngày 12/08/2016 công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 82/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 7.769.691 cổ phiếu.

Công ty cổ phần Lilama 69-3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam đóng trên địa bàn tỉnh Hải Dương nằm trên quốc lộ 5, điểm nối giữa thủ đô Hà Nội với thành phố cảng Hải Phòng cách hai địa điểm trên 50km về phía Đông Bắc, là một vị trí rất thuận lợi về giao thông cả đường bộ, đường thủy và đường sắt.

Trải qua hơn 50 năm hoạt động và phát triển, Công ty đã có những thành công nhất định trong các lĩnh vực kinh doanh như:

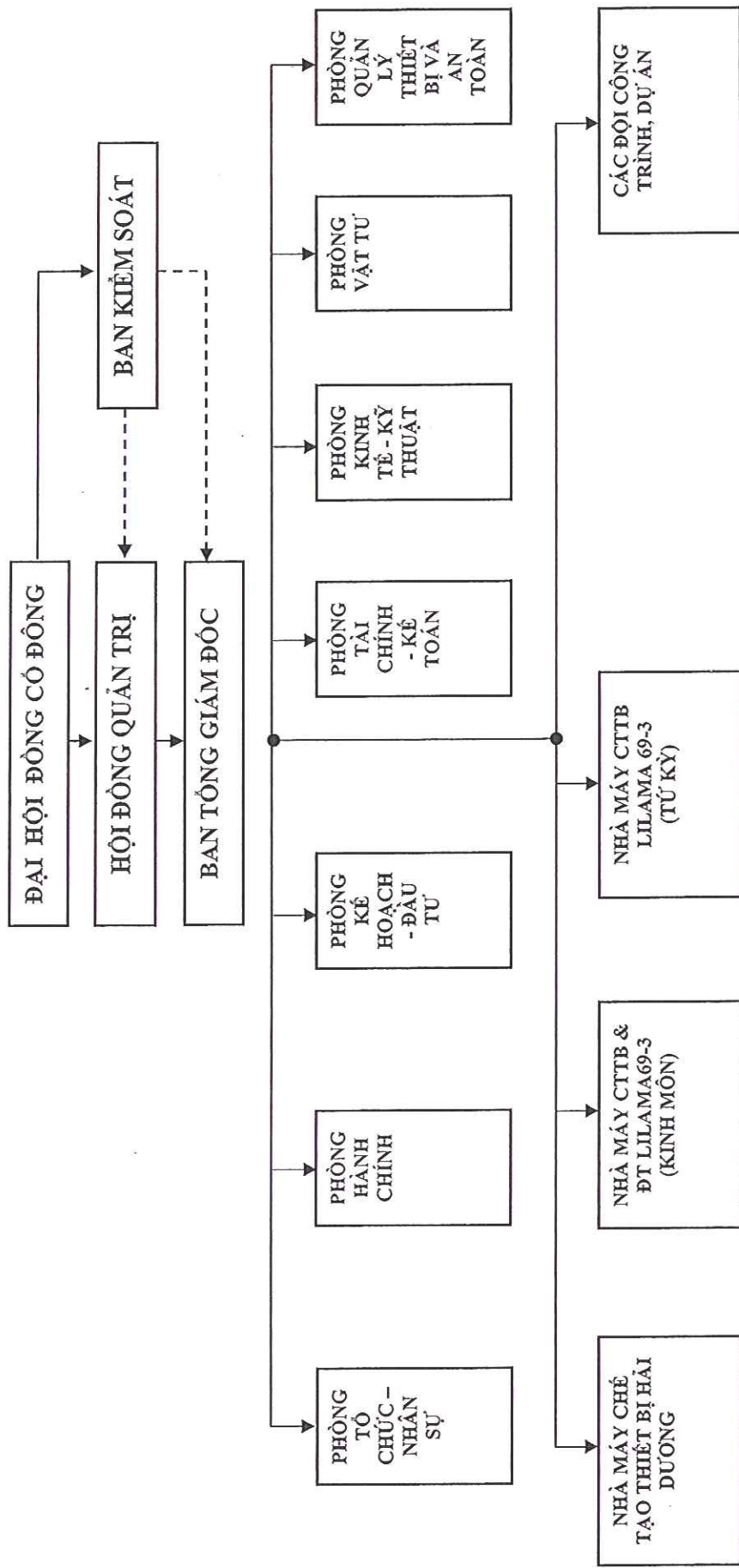
- Chế tạo thiết bị, lắp máy, bảo trì công nghiệp và xây dựng, tư vấn thiết kế, quản lý dự án, tổng thầu EPC của các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật.
- Chế tạo thiết bị, phụ tùng công nghiệp, kết cấu thép cho các công trình công nghiệp: ngành sản xuất vật liệu xây dựng, năng lượng, dầu khí, khai thác mỏ, nhà máy chế biến...
- Đóng mới và sửa chữa các loại phương tiện vận tải thủy đến 3000 tấn, lắp đặt các loại máy tàu thủy đến 1050CV.
- Lắp đặt máy móc, thiết bị, phụ tùng công nghiệp, kết cấu thép, nhà xưởng, dây chuyền sản xuất.
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, cho các dây chuyền sản xuất công nghiệp.
- Xây lò công nghiệp: Cung cấp vật liệu chịu lửa, xây lò nung clinker, lò luyện kim, lò gốm, ống khói các nhà máy.
- Lắp đặt hệ thống điện công nghiệp và dân dụng. Hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động.
- Kiểm tra và thử nghiệm mối hàn kim loại, NDT (UT, PT, MT....).
- Đào tạo nội bộ công nhân cho các ngành: Cơ khí, điện, xây lò công nghiệp, và sửa chữa thiết bị.

Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu L63 trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại Quyết định số 610/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

2.1. Cơ cấu quản lý của công ty

(Xem trang sau)



Công ty Cổ phần Lilama 69-3 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông;

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

❖ Phòng Tổ chức Nhân sự

Phòng Tổ chức – nhân sự có chức năng:

Tham mưu giúp Tổng giám đốc: Quản lý điều hành và thực hiện các chế độ chính sách (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động); hợp đồng lao động; về công tác tổ chức, cán bộ; công tác đào tạo; công tác quản lý lao động; công tác quản lý tiền lương và công tác thanh tra, pháp chế.

Tham mưu giúp việc Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty; công tác thi đua tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; Tham mưu giúp cấp ủy Đảng, chính quyền chỉ đạo, thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

❖ **Phòng Kinh tế Kỹ thuật**

Phòng Kinh tế - Kỹ thuật có chức năng tham mưu giúp Tổng giám đốc quản lý, điều hành các lĩnh vực:

Khai thác, phát triển thị trường, marketing; quảng bá/giới thiệu hình ảnh, thương hiệu sản phẩm/công ty; đấu thầu và hợp đồng bán hàng hóa, dịch vụ của công ty.

Quản lý kinh tế, kỹ thuật; quản lý dự án, hợp đồng thi công do Công ty nhận thầu.

Quản lý chất lượng sản phẩm.

Quản lý dịch vụ sửa chữa, bảo trì

Quản lý tiền lương, dự toán thi công và nhà thầu phụ.

Thiết kế (công nghệ, các sản phẩm cơ khí, xây dựng, điện, chuyên giao công nghệ...) và thực hiện các hợp đồng tư vấn trong hoạt động xây dựng (lập dự án đầu tư, tư vấn giám sát thi công..).

❖ **Phòng Kế hoạch Đầu tư**

Phòng Kế hoạch – Đầu tư có chức năng: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm, kế hoạch trung và dài hạn, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và lập báo cáo gửi các cơ quan cấp trên theo quy định; Quản lý công tác đầu tư, đất đai của Công ty.

❖ **Phòng Tài chính Kế toán**

Phòng Tài chính – Kế toán có chức năng thực hiện công tác hạch toán kế toán; quản lý vốn, tài sản, công nợ; nghiệp vụ tài chính, kế toán, ngân hàng theo quy định của Nhà nước ...

❖ **Phòng Quản lý Thiết bị và An toàn**

Phòng Quản lý Thiết bị và An toàn có chức năng:

Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về việc quản lý, điều động phương tiện, bổ xung thiết bị, phương tiện thi công toàn Công ty.

Tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty về công tác An toàn-VSLĐ-PCCN và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động an toàn tại các công trường thuộc LILAMA theo đúng chính sách pháp luật hiện hành.

Thực hiện duy trì công tác thông tin, truyền thông, công tác báo trí, tuyên truyền và phát triển thương hiệu LILAMA69-3

Quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Tham mưu công tác triển khai, áp dụng cải tiến Hệ thống ISO 9001-2008, IS 14000, 5S, HSE và các chương trình năng xuất, chất lượng khác.

❖ **Phòng Vật tư**

Phòng Vật tư có chức năng tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc thực hiện chức năng mua sắm, quản lý và sử dụng hiệu quả vật tư, công cụ dụng cụ... theo các quy định của Nhà nước và Công ty.

❖ **Phòng Hành chính**

Phòng Hành chính có chức năng

Tham mưu, tổ chức thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực hành chính - y tế và điều hành các hoạt động hành chính trong phạm vi toàn công ty; thực hiện các giao dịch hành chính, kết nối thông tin giữa các đơn vị trong công ty và giữa công ty với các đơn vị, cơ quan, tổ chức bên ngoài.

Tham mưu giúp việc cấp ủy Đảng, chính quyền, lãnh đạo chỉ đạo công tác bảo vệ cơ quan doanh nghiệp, công tác quân sự địa phương.

❖ **Văn phòng Đảng ủy – Công đoàn**

Văn phòng Đảng ủy – Công đoàn có chức năng tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, trực tiếp là giúp Ban Thường vụ, Bí thư và Phó Bí thư Đảng ủy tổ chức điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ; Là trung tâm thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Công ty.

❖ **Nhà máy Chế tạo thiết bị Hải Dương**

Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa: Thiết bị vật tư, máy móc, dây chuyền công nghệ cho các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm, thiết bị phục vụ các nhà máy nhiệt điện, thủy điện theo yêu cầu của công ty.

❖ Nhà máy Chế tạo thiết bị Lilama 69-3

Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa cho các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm, thiết bị phục vụ các nhà máy nhiệt điện, thủy điện theo yêu cầu của công ty.

❖ Nhà máy Chế tạo thiết bị và Đóng tàu Lilama 69-3

Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện vận tải thủy đến 3.000 tấn, lắp đặt các loại máy tàu thủy đến 1.050CV, sửa chữa các công trình.

Gia công, lắp đặt, sửa chữa cho các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm, thiết bị phục vụ các nhà máy nhiệt điện, thủy điện theo yêu cầu của công ty.

❖ Các đội công trình, dự án:

Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa cho các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm, thiết bị phục vụ các nhà máy nhiệt điện, thủy điện theo yêu cầu của công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/03/2017

❖ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần và những người có liên quan tại ngày 27/03/2017

STT	Cổ đông	Số ĐKSH	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	0100106313	5.187.759	66,77%

Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

➤ Danh sách người có liên quan của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

STT	Tên	Chức vụ	Số cổ phần L63 nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Hội đồng quản trị			
1.1	Nguyễn Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	0 cổ phần	0%
1.2	Lê Văn Tuấn	TV HĐQT	0 cổ phần	0%
1.3	Nguyễn Văn Hùng	TV HĐQT	0 cổ phần	0%
1.4	Bùi Đức Kiên	TV HĐQT	0 cổ phần	0%



STT	Tên	Chức vụ	Số cổ phần L63 nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1.5	Nguyễn Hữu Thành	TV HĐQT	0 cổ phần	0%
2	Ban Kiểm soát			
2.1	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng BKS	12.700 cổ phần	0,16%
2.2	Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	0 cổ phần	0%
2.3	Nguyễn Văn Trường	Thành viên BKS	0 cổ phần	0%
3	Ban Tổng Giám đốc			
3.1	Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
3.2	Vũ Văn Định	Phó Tổng giám đốc	12.700 cổ phần	0,16%
3.3	Trần Đình Đại	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần	0%
3.4	Ngô Quang Quý	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần	0%
3.5	Lê Quốc Ân	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần	0%
3.6	Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần	0%
3.7	Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần	0%
3.8	Bùi Đức Kiên	Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 27/03/2017

STT	Cơ cấu	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	1.253	2.465.092	31,73
1.1	Cá nhân trong nước	1.253	2.465.092	31,73
1.2	Cá nhân nước ngoài	0	0	0
2	Cổ đông là tổ chức	2	5.304.599	68,27
2.1	Tổ chức trong nước	2	5.304.599	68,27
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0	0
	Tổng cộng	1.255	7.769.691	100

❖ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Theo quy định tại Điều lệ được thông qua tại ĐHCĐ thường niên 2015, Công ty không có cổ đông sáng lập.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

a. Danh sách công ty mẹ của LILAMA 69-3:

Tên công ty	Địa chỉ	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Ngành nghề kinh doanh	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	124 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 06/04/2016	Tổng thầu EPC, Cơ khí lắp máy ...	5.187.759	66,77%

b. Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

TT	Thời gian	Hình thức tăng vốn (Số lượng cổ phần)	Vốn điều lệ trước khi tăng (đồng)	Giá trị tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Đơn vị cấp phép
1	2007 Tháng 03/2009(*)	Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa Phát hành cho cổ đông hiện hữu và đối tác chiến lược (Tổng số lượng: 3.118.258 cp)	30.000.000.000	31.182.580.000	61.182.580.000	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 345/UBCK-GCN ngày 17/10/2008. Sở KH & ĐT Hải Dương Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800001972 thay đổi lần thứ 1 ngày 19/05/2009.
2	Tháng 9/2014	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Tổng số lượng: 1.651.433 cp)	61.182.580.000	16.514.330.000	77.696.910.000	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu trả cổ tức ngày 08/09/2014 Công văn số 5068 ngày 11/09/2014 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Sở KH & ĐT Hải Dương Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800001972 thay đổi lần thứ 4 ngày 03/11/2014

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Cơ cấu doanh thu các năm 2015, 2016

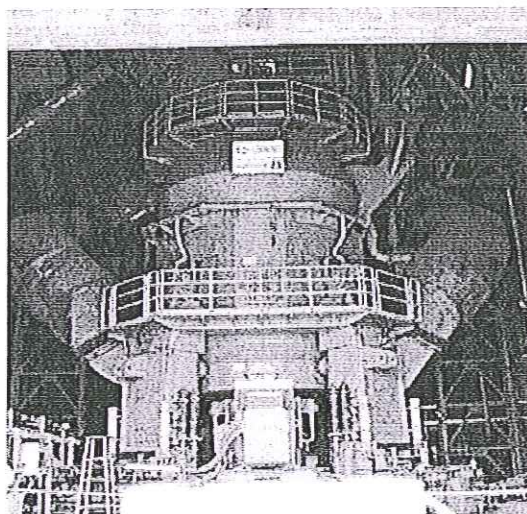
Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động chế tạo lắp đặt	375.589.199.944	90,39	567.307.645.380	98,32
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.932.225.298	9,61	9.698.251.298	1,68
Tổng	415.521.425.866	100	577.005.896.678	100

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016

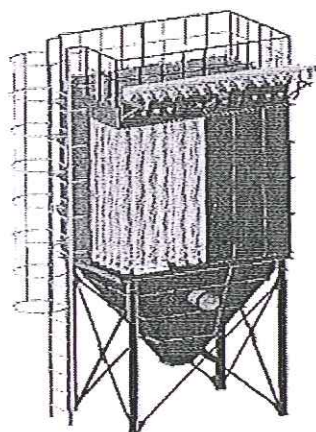
Trong đó:

❖ Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí trong nước:

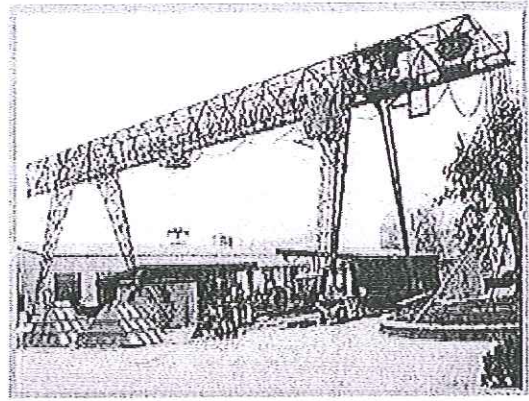
+ Chế tạo máy nghiền: Vỏ máy nghiền, nghiền liệu, nghiền than, nghiền clinker; máy đập, máy cán, các vành chặn, phân ly máy nghiền... cho các nhà máy xi măng, nhà máy nhiệt điện.



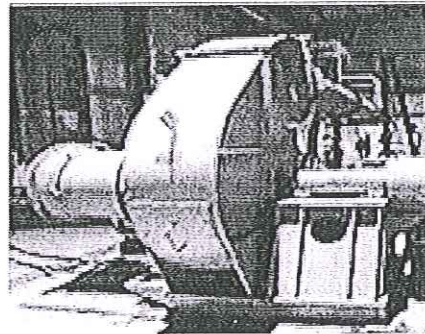
+ Chế tạo thiết bị lọc bụi: Lọc bụi túi, lọc bụi tĩnh điện Công suất từ 3000m³/h đến 25000m³/h cho các Nhà máy Xi măng, Nhiệt điện,....



+ Chế tạo, lắp đặt thiết bị vận chuyển, nâng hạ: băng tải, gầu tải, vít tải, cầu trục, công trục.



+ Chế tạo Quạt ly tâm với Lưu lượng Q từ 600 m³/h đến 300.000 m³/h, Cột áp H từ 40 mm đến 2.000 mm Dùng cho các Nhà máy Xi măng, Nhiệt điện, sản xuất Đường, sản xuất Sứ vệ sinh



Ngoài ra Lilama 69-3 còn sản xuất nhiều sản phẩm cơ khí khác như:

- + Thiết bị lò nung clinker, làm nguội.
- + Thiết bị bốc-xếp: Máy cào, rải liệu, rút liệu, đánh đồng, shiploader, shipunloader.
- + Sản phẩm đúc: Bi, tấm lót bàn nghiền, tấm đế, búa đập, ghi, đe.

❖ **Gia công chế tạo xuất khẩu:**

- + Gia công băng tải (cho Dự án DongYang - Hàn Quốc; Thủy điện nậm nghiệp 1).
- + Chế tạo thiết bị cầu rải liệu, lò vôi cho hãng Polysus - Đức.
- + Chế tạo thiết bị lọc bụi cho Dự án Redecam - Ý; Dự án YAMOTO - Nhật Bản.
- + Chế tạo kết cấu đỡ cho lò hơi cho Dự án TENOVA - Nam Phi

❖ **Thiết bị thay thế hàng nhập khẩu:**

- + Vò lò nung Clinker (cho Dự án XM Công thanh, XM Hoàng Thạch, XM Cẩm Phả).
- + Máy nghiền các loại (Dự án XM Sông Thao, XM Xuân Thành, XM Hoàng Thạch).
- + Búa đập (Dự án xi măng Thăng Long).
- + Van quay (cho Dự án xi măng Cẩm Phả, xi măng Kiên Lương)
- + Bi nghiền (xi măng Hoàng Thạch, nhiệt điện Vũng Áng).

6.2. Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Tỷ suất LN gộp	11,70	10,63	9,21
ROE	2,05	2,34	2,97

Tình hình thị trường chế tạo, xây lắp bị cạnh tranh với nhiều công ty cùng ngành do đó tỷ suất lợi nhuận gộp của Lilama 69-3 bị giảm dần qua các năm từ 2014-2016. Bên cạnh đó, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, tình hình giá xăng dầu biến động cũng là nhân tố ảnh hưởng đến chi phí giá vốn hàng bán tăng khiến tỷ suất lợi nhuận gộp bị giảm xuống. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty qua các năm tăng lên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn ổn định.

6.3. Hoạt động Marketing

Để nâng cao uy tín thương hiệu, Công ty luôn chú trọng đến công tác truyền thông và tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác đã có thương hiệu uy tín trên thị trường, tăng cường giao lưu, hội thảo giới thiệu năng lực và chứng minh bằng các dịch vụ đã và đang thực hiện cạnh tranh. Các nhân viên trực thuộc từng phòng/ban dịch vụ sẽ thực hiện marketing cho các sản phẩm/dịch vụ của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng việc tạo dựng thương hiệu cũng như mở rộng thị trường và mạng lưới khách hàng. Công ty coi đây là một trọng tâm chính trong chiến lược marketing chính của mình.

6.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty:



LILAMA 69-3, JSC

6.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số hợp đồng được ký kết và thực hiện trong thời gian gần đây

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác	Năm thực hiện
I	Hợp đồng đầu vào				

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác	Năm thực hiện
1.	Mua sắt thép	HĐ 2.1.17/LIL AMA693- TH	3.390.661.369	Công ty cổ phần kinh doanh Thép hình	Năm 2017
2.	Mua tấm sàn Grating	HĐ 07/2017/H ĐKT-TB- LILAMA6 9-3	2.174.561.400	Công ty CP cơ khí Tiên Bộ	Năm 2017
3.	Thuê cầu 600 tấn PV XM Xuân thành	HĐ 01/PO- 2016/HLC -LL693	5.002.900.000	Công ty TNHH thiết bị nặng HLC Việt Nam	Năm 2017
4.	Mua sơn và dung môi	HĐ 0704/HĐK T-2017	1.025.822.336	Công ty TNHH tư vấn thiết kế giao thông tây Hồ	Năm 2017
5.	Cung cấp máy biến áp, XD và LĐ hệ thống thiết bị trục băng tải và tháp giăng đứng chính vận tải than, giăng đứng phụ vận tải vật liệu thuộc DA : Đầu tư khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo	15112016- HĐKT/20 16/LILAM A693&IN VICO	3.451.197.754	Công ty CP công nghiệp INVICO	Năm 2017
6.	Lắp đặt hoàn thiện thiết bị hệ thống đường ống gió cho FGD1 DA NĐ Thái Bình II	HĐ 02/2016/H ĐKT/LI.6 93-Thành Công	2.178.000.000	Công ty Cổ phần thương mại vật tư kim khí Thành Công	Năm 2017
7.	Mua sắt thép	HĐ 7/2017/LI LAMA693 -TP	998.779.487	Công ty TNHH thương mại kim khí Trường Phát	Hợp đồng nguyên tắc 2017

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác	Năm thực hiện
8.	Mua ống thép	HĐ 17.01/HĐ KT-KB- LILAMA6 9-3/2017	5.052.206.819	Công ty TNHH thép Kinh Bắc	Năm 2017
II	Hợp đồng đầu ra				
1.	Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị và kết cấu thép Dự án NM Xi măng Xuân Thành giai đoạn II	031215/X T- LILAMA6 93	1.274.406.440.367	Công ty CP Xi măng Xuân Thành	2016-2017
2.	Thực hiện các công việc lắp đặt - Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	050117/LI LAMA- LI.69.3	105.571.834.804	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Từ 2017
3.	Thực hiện các công việc lắp đặt - Dự án Núi Béo	01.2015H Đ-NVTH	230.055.000.000	Công ty than Núi Béo	Từ 2017
4.	Chế tạo kết cấu thép Tháp chuyển tiếp của hệ thống vận chuyển than - Dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1	100117/LI LAMA- LI.69.3	17.827.869.120	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Từ 2017
5.	Gia công chế tạo, lắp đặt thiết bị và kết cấu thép Dự án NM Xi măng Xuân Thành giai đoạn II	210416/LI LAMA10- LILAMA6 93	46.406.069.000	Công ty CP LILAMA 10	T4/2017-10/2018
6.	Lắp đặt hệ thiết bị cơ điện nhà máy chính - Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	020315/LI LAMA- LILAMA6 9-3	23.783.120.680	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	2015-2017
7.	Lắp đặt kết cấu thép, thiết bị, chế tạo và lắp đặt ống, sơn hoàn thiện gói 1A - Dự án Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	141114/LI LAMA- LI.69-3	77.705.717.247	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	2015-2017

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác	Năm thực hiện
8.	Cung cấp, XD và LD hệ thống thiết bị trục tải và tháp giồng của giồng đứng chính vận tải than, giồng đứng phụ vận tải VL	01/2015/HĐ-NVTH	234.777.127.954	Công ty CP Than Núi Béo	T7/2015 -T2/2019
9.	Gia công chế tạo kết cấu thép lọc bụi túi	CJ100250	79.617USD	YAMOTO	2017
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị cho NMXM Nghi Sơn năm 2017	116/NSCC-HDKT	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty xi măng Nghi Sơn	2017
11.	Sửa chữa, thay thế, bảo dưỡng và khắc phục sự cố thiết bị NMXM Hải Phòng năm 2017	398/HĐ-XMHP	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hải Phòng	2017
12.	Sửa chữa máy móc thiết bị NMXM Hoàng Thạch năm 2017	26/XMHT-KHCL	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty TNHH một thành viên xi măng Vicem Hoàng Thạch	2017
13.	Sửa chữa máy móc thiết bị NMXM Chinfon	L-E/M-2015-01	Hợp đồng nguyên tắc	Công ty Xi măng Chinfon	2017

Nguồn: Lilama 69-3

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2015 và 2016

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm	9T/2017
Tổng giá trị tài sản	804.707.696.902	864.515.557.522	7,43%	854.873.808.475
Doanh thu thuần	415.521.425.866	577.005.896.678	38,86%	494.409.658.086
Lợi nhuận từ kinh doanh	3.274.259.530	3.643.102.048	11,26%	3.834.729.749
Lợi nhuận khác	3.507.522	383.250.630	10.826,54%	51.277.239
Lợi nhuận trước thuế	3.277.767.052	4.026.352.678	22,84%	3.886.006.988

Lợi nhuận sau thuế	2.476.300.434	3.219.282.142	30,00%	3.108.805.590
Tỷ lệ cổ tức	-	3%		-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC 9T/2017

Sau những khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế giai đoạn 2010-2014. Bước sang năm 2015 nền kinh tế đã dần ổn định phục hồi tăng trưởng trở lại. Chính vì vậy, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016 đã có nhiều chuyển biến tích cực, Công ty đã ký kết được các hợp đồng giá trị lớn, đảm bảo được lượng công việc ổn định đến hết năm 2017. Doanh thu thuần của Công ty năm 2016 tăng mạnh 38,86% so với năm 2015 do Công ty thực hiện tốt các công trình trọng điểm do Tổng Công ty giao như: Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn... đồng thời Công ty cũng giữ vững công tác sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng cho các Nhà máy xi măng như: Nghi Sơn, Hoàng Thạch, Phúc Sơn, Hải Phòng mới, ChiFon

Cùng với sự tăng trưởng về tình hình doanh thu của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2016 cũng tăng 30% so với năm 2015. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, năm 2016 Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông ở mức 3%.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

✓ Thuận lợi

- Được sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP và các địa phương trong quá trình hoạt động kinh doanh, thi công dự án.
- Việt Nam là nước đang phát triển, rất nhiều công trình công nghiệp trọng điểm về điện, dầu khí, xi măng ... đang cần được xây dựng.
- Với nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực xây lắp LILAMA 69-3 là doanh nghiệp có uy tín trong các dự án công nghiệp. Có nhiều kinh nghiệm và năng lực vượt trội trong việc thi công xây lắp, chế tạo thiết bị cho các công trình nhiệt điện, thủy điện, xi măng, lọc hóa dầu, công nghiệp chế biến ...
- Lực lượng cán bộ lãnh đạo quản lý, kỹ sư, cử nhân được đào tạo và làm việc trong môi trường công nghiệp chuyên nghiệp; Lực lượng kỹ sư có kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý dự án, quản lý thi công, quản lý chất lượng đối với các dự án lớn; lực lượng công nhân kỹ thuật hùng hậu, tinh thông về tay nghề, kỹ năng làm việc cao, đặc biệt một số nghề như thợ hàn điện, thợ lắp máy, lắp ống, thợ gia công chế tạo của LILAMA 69-3 có ưu thế vượt trội ở Việt Nam và khu vực.

- Năng lực thiết bị thi công xây lắp, thiết bị chế tạo cơ khí đã được đầu tư cơ bản, đảm bảo có lợi thế cạnh tranh cao trong đấu thầu. Đặc biệt có ưu thế vượt trội trong thi công xây lắp các thiết bị siêu trường siêu trọng, các thiết bị đòi hỏi kỹ năng thi công mạnh, chế tạo các thiết bị dây chuyền đồng bộ của nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng,....

✓ Khó khăn

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn 2011-2013, đến năm 2015 nền kinh tế đã có dấu hiệu ổn định, tăng trưởng. Mặc dù vậy tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực xây lắp vẫn hết sức gay gắt, nhất là các doanh nghiệp nước ngoài như Trung Quốc, giá trúng thầu giảm đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tình trạng nợ đọng kéo dài của Chủ đầu tư dẫn đến tài chính gặp nhiều khó khăn.
- Bên cạnh những thuận lợi của việc hội nhập TPP thì còn có những khó khăn, thách thức như: tiềm lực doanh nghiệp trong nước còn yếu, sản phẩm công nghiệp còn thấp, áp lực cạnh tranh cao tại thị trường nội địa.
- Nguyên vật liệu đầu vào còn hạn chế, phụ thuộc vào nước ngoài, giá cả liên tục biến động như: sắt thép, xăng dầu... cùng với hệ thống tài chính, ngân hàng còn nhiều biến động, lãi vay cao sẽ là khó khăn bất lợi lớn đối với doanh nghiệp. Trình độ ngoại ngữ, am hiểu thông lệ, luật quốc tế còn hạn chế nên khi hội nhập sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến Công ty.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của công ty trong ngành:

Là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA), LILAMA 69-3 đã thừa hưởng được những kinh nghiệm trong lĩnh vực lắp máy cũng như chế tạo cơ khí. Bên cạnh sự trợ giúp của LILAMA, với khả năng của mình, Công ty đã triển khai cung cấp các sản phẩm: Thiết kế, gia công, chế tạo, lắp đặt thiết bị và dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, xi măng, nhiệt điện, than khoáng sản, chế biến lương thực, thực phẩm ... cho các nhà máy sản xuất công nghiệp lớn với giá trị sản xuất kinh doanh bình quân đạt 600-650 tỷ đồng/năm.

Trải qua hơn 50 năm phát triển, Công ty đã đầu tư xây dựng 3 nhà máy chế tạo thiết bị với diện tích trên 160.000m², công suất thiết kế đạt trên 20.000 tấn sản phẩm/năm. Bao gồm nhà xưởng, bãi gia công và đầu tư đầy đủ trang thiết bị công nghệ phục vụ gia công, chế tạo thiết bị cho lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác than, khoáng sản, cảng, đóng tàu. Điển hình như dây chuyền đúc, hệ thống máy lốc 4 trục, 3 trục, máy doa, máy cắt CNC, khoan

CNC, máy chấn, máy đột, dập, phay, khoan; xe nâng, xúc lật, cầu, phương tiện vận tải... hiện đại hàng đầu Việt Nam.

Với kinh nghiệm và năng lực sản xuất như trên, LILAMA 69-3 là một trong những đơn vị có vị thế lớn trong ngành cơ khí, lắp máy của Việt Nam.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành xây lắp

Thị trường xây lắp Việt Nam tương đối hấp dẫn do thị trường xây dựng được dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 7%/năm từ nay đến 2020, đạt tổng vốn đầu tư tích lũy 340 tỷ USD, trong đó đầu tư vào lĩnh vực điện, hạ tầng giao thông và công nghiệp chế biến/chế tạo đạt 180 tỷ USD (chiếm hơn 50%).

Mức độ cạnh tranh trên thị trường xây lắp sẽ ngày càng gay gắt hơn với sự tham gia của nhiều đối thủ có năng lực vượt trội. Số lượng các công ty xây lắp quốc tế thâm nhập vào Việt Nam đã tăng cao.

Ngành cơ khí

Thị trường Cơ khí chế tạo Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh với tốc độ ổn định, xấp xỉ 8,5%/năm từ nay đến 2020, trong đó phân khúc cơ khí xây dựng, máy động lực và cơ khí đóng tàu có khả năng đem lại lợi nhuận cận biên cao hơn và tăng trưởng nhanh hơn:

- Cơ khí xây dựng: Tốc độ tăng trưởng 9,3%; Lợi nhuận cận biên 4,8%.

- Máy động lực: Tốc độ tăng trưởng 9,3%; Lợi nhuận cận biên 4,7%.

- Cơ khí đóng tàu: Tốc độ tăng trưởng 11,6%; Lợi nhuận cận biên 6,5%.

Ngành tư vấn thiết kế

Mức độ tăng trưởng của ngành Tư vấn (thiết kế, quản lý dự án...) ngày càng tăng cao.

Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp tư vấn nước ngoài vượt trội về năng lực tài chính, trình độ chuyên môn, ứng dụng công nghệ, khả năng độc lập và mức độ uy tín, thường được lựa chọn để thực hiện các dự án có quy mô và giá trị lớn, đặc biệt là các dự án điện, lọc dầu...

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

LILAMA 69-3 luôn khẳng định là một trong những đơn vị hàng đầu trong ngành chế tạo thiết bị và xây dựng công nghiệp thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, tiếp tục sứ mệnh của các thế hệ đi trước, tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cạnh

tranh lành mạnh, gìn giữ và phát triển thị trường trong nước và quốc tế, áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả, là đối tác uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp trong nước và quốc tế đặc biệt trong lĩnh vực lắp máy, bảo trì công nghiệp, chế tạo thiết bị, phụ tùng công nghiệp cho các dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng, năng lượng, khai thác và chế biến, nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế và quản lý dự án, đẩy mạnh xuất khẩu. Đồng thời sẵn sàng liên danh, liên kết với các đối tác tin cậy trong và ngoài nước thực hiện các dự án tổng thầu EPC...

Kế thừa và phát huy truyền thống sẵn có, Công ty tiếp tục duy trì ổn định tình hình SXKD hiện nay và phấn đấu trở thành nhà chế tạo thiết bị; cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực xi măng, vật liệu xây dựng và khai thác mỏ.

Chiến lược kinh doanh đối với từng lĩnh vực được Công ty đặt ra:

Lĩnh vực thiết kế chế tạo thiết bị (chiếm khoảng 50% giá trị): Phát triển năng lực thiết kế để thực hiện hợp đồng EPC. Phấn đấu trở thành Doanh nghiệp chế tạo cơ khí hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp thiết bị, phụ tùng cho các Nhà máy xi măng, dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng và các công trình công nghiệp khác; tăng tỷ lệ nội địa hóa thiết bị, tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu để chế tạo thiết bị xuất khẩu.

Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, sửa chữa, bảo trì (chiếm khoảng 25% giá trị): Xây dựng thương hiệu LILAMA 69-3 là Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công nghiệp.

Lĩnh vực xây lắp (chiếm khoảng 25% giá trị): Tiếp tục củng cố, phát triển lĩnh vực lắp đặt thiết bị cho các Nhà máy sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng và các công trình công nghiệp khác.

Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước với mục tiêu chiếm 65-70% giá trị SXKD, tiếp tục mở rộng lĩnh vực chế tạo thiết bị xuất khẩu ra nước ngoài với tỷ trọng chiếm khoảng 25-35%.

Với năng lực sản xuất cũng như định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, định hướng phát triển của Công ty phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tổng số lượng lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2017 là 1581 người

Cơ cấu lao động tại Công ty

TT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ			
1	Trên đại học	6	0,4%
2	Đại học	228	14,4%
3	Cao đẳng, trung cấp	210	13,3%
4	Công nhân kỹ thuật	802	50,7%
5	Sơ cấp và lao động khác	335	21,2%
Tổng cộng		1.581	100%
Theo tính chất hợp đồng lao động			
1	Hợp đồng thời hạn từ 1 - 3 năm	583	36,9%
2	Lao động không xác định thời hạn	774	48,9%
3	Lao động trong thời gian thử việc	224	14,2%
Tổng cộng		1.581	100%

9.2. Chính sách đối với người lao động

Thời giờ làm việc mỗi ngày không quá 8 giờ, mỗi tuần không quá 40 giờ (nghỉ ngày thứ 7 và chủ nhật) đối với bộ phận gián tiếp; mỗi tuần không quá 48 giờ (nghỉ ngày chủ nhật) đối với bộ phận trực tiếp sản xuất.

Do nhu cầu, tính chất công việc, ngoài thời gian làm việc trên Công ty có thể tổ chức làm thêm giờ. Khi tổ chức làm thêm Tổng Giám đốc hoặc người được uỷ quyền (Phụ trách các đơn vị) thoả thuận trực tiếp với người lao động đảm bảo số giờ làm thêm không quá 4 giờ /ngày, 16 giờ/tuần, 14 giờ/4 ngày liên tiếp và 200 giờ trong một năm. Trường hợp đặc biệt không quá 300 giờ/ năm thì Công ty phải đăng ký với Sở Lao động thương binh và xã hội Tỉnh Hải Dương.

Thực hiện ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, tết, nghỉ phép hàng năm và chế độ đặc biệt như nghỉ việc có hưởng lương, thai sản, con nhỏ... theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được

hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Công ty. Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành.

Tổ chức các hoạt động đào tạo lại và tự đào tạo trong cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Hoàn thiện hệ thống chính sách về tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo hợp lý theo hướng tăng cường sự chủ động của Công ty trong tìm kiếm, thu hút các ứng viên có trình độ, chất lượng, có đạo đức, phẩm chất và các cán bộ quản lý giỏi đóng góp trí tuệ và công sức cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là ở các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ cao mà hiện tại Công ty còn thiếu.

Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

Chính sách lương và thưởng

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

10. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. LILAMA 69-3 cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Cổ tức 2 năm gần nhất của Công ty

Năm	Tỷ lệ	Hình thức
2015	0%	
2016	3%	Tiền mặt

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2017 là 3%

11. Tình hình tài chính

11.1. Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Nguồn vốn của Công ty tại các thời điểm như sau:

Nguồn vốn	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
- Vốn điều lệ	77.696.910.000	77.696.910.000	77.696.910.000
- Vốn chủ sở hữu	105.547.801.375	108.552.354.547	108.451.442.534
- Tổng nguồn vốn kinh doanh	804.707.696.902	864.515.557.522	854.873.808.475

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

11.2. Trích khấu hao TSCĐ

LILAMA 69-3 thực hiện trích khấu hao theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Trong năm 2016, LILAMA 39-3 không có thay đổi trong chính sách khấu hao.

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. cụ thể như sau:

TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Mức trích khấu hao được trích tối đa bằng 02 lần mức khấu hao theo đường thẳng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao<năm></u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Máy móc và thiết bị	3 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
- Phần mềm máy tính	1,5 - 3

11.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của CBCNV công ty trong các năm 2015 và 2016 lần lượt là: 7.970.464 đồng/tháng; 8.344.139 đồng/tháng.

Đây là mức lương được đánh giá tương đồng so với các doanh nghiệp trong cùng ngành, trên địa bàn.

11.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Đến thời điểm 30/09/2017, các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay, Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn. Công ty không có khoản nợ nào với các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng phòng kế toán, cổ đông lớn và những người có liên quan và ngược lại.

11.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện tính, thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, lệ phí và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định, và không có các khoản phải nộp quá hạn.

Các khoản thuế phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
- Thuế Giá trị gia tăng	19.996.857.365	16.596.527.146	8.828.186.750
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	806.151.005	921.972.975	777.201.398
- Thuế thu nhập cá nhân	-	15.262.067	18.858.599
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.105.581.190	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-
Tổng Cộng	22.908.589.560	17.533.762.188	9.624.246.747

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

11.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các Doanh nghiệp là Công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Tính đến hiện tại Công ty đã trích lập các Quỹ, lợi nhuận hàng năm để trang trải chi phí và tích lũy tại khoản mục lợi nhuận chưa phân phối.

Trích lập các quỹ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	36.117.321	309.863.676	450.805.107
- Quỹ đầu tư phát triển	11.589.575.997	15.379.657.018	16.506.405.768
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.819.170.874	4.508.276.514	4.830.204.728
Tổng Cộng	15.444.864.192	20.197.797.208	21.787.415.603

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

11.7. Tổng dư nợ vay

Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Vay ngắn hạn	191.352.854.908	215.136.607.754	271.424.536.420
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>171.563.832.596</i>	<i>199.639.783.510</i>	<i>266.626.330.359</i>
- NH TMCP Công thương CN Hải Dương	76.375.816.632	76.786.729.998	135.420.212.746
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Hải Dương	95.188.015.964	115.519.384.846	123.692.367.837
- NH Phát triển Việt Nam CN Hải	-	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Dương			
- NH TMCP TPBank	-	7.333.668.666	7.513.749.776
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>19.789.022.312</i>	<i>15.496.824.244</i>	<i>4.798.206.061</i>
- NH TMCP Công thương CN Hải Dương	80.000.000	80.000.000	20.000.000
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Hải Dương	5.921.022.312	1.520.000.000	1.304.000.000
- NH Phát triển Việt Nam CN Hải Dương	13.284.000.000	8.904.000.000	2.226.000.000
- Công ty cho thuê tài chính – NH Công thương Việt Nam	504.000.000	4.419.600.000	1.104.900.000
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	-	573.224.244	143.306.061
Vay dài hạn	48.295.390.119	50.452.725.705	53.557.160.808
<i>Vay dài hạn</i>	<i>46.356.610.119</i>	<i>35.399.821.275</i>	<i>37.029.691.275</i>
- NH TMCP Công thương CN Hải Dương	220.000.000	140.000.000	140.000.000
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Hải Dương	17.907.701.008	13.744.912.164	13.744.912.164
- NH Phát triển Việt Nam CN Hải Dương	28.228.909.111	21.514.909.111	23.144.779.111
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>1.938.780.000</i>	<i>15.052.904.430</i>	<i>16.527.469.533</i>
- Công ty cho thuê tài chính – NH Công thương Việt Nam	1.938.780.000	14.288.605.446	14.533.873.446
- Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	-	764.298.984	1.993.596.087
Tổng Cộng	239.648.245.027	265.589.333.459	324.981.697.228

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

Các khoản vay của các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng hạn mức, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản thế chấp được quy định cụ thể tại các hợp đồng tín dụng hạn mức. Thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ đúng hạn.

11.8. Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Các khoản phải thu ngắn hạn	365.162.534.428	369.291.308.919	253.263.354.446
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	172.298.153.421	158.572.996.371	134.333.854.463
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	128.038.437.936	196.143.977.095	104.249.476.055
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	47.547.870.865	171.041.592	-
- Phải thu ngắn hạn khác	19.999.813.519	19.885.750.540	20.162.480.607
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.721.741.493)	(5.482.456.679)	(5.482.456.679)
Các khoản phải thu dài hạn	66.474.591.200	1.131.673.000	1.142.673.000
- Trả trước cho người bán dài hạn	66.384.591.200	-	-
- Phải thu dài hạn khác	90.000.000	1.131.673.000	1.142.673.000
Tổng Cộng	431.637.125.628	370.422.981.919	254.406.027.446

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
Nợ ngắn hạn	446.634.335.690	650.050.763.600	630.508.354.941
- Phải trả người bán ngắn hạn	44.847.833.051	59.300.297.519	51.372.707.184
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	144.281.681.760	221.089.711.764	214.532.672.779
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.908.589.560	17.533.762.188	9.624.246.747
- Phải trả người lao động	18.337.685.297	37.180.519.396	45.549.943.007
- Chi phí phải trả ngắn hạn	13.687.277.357	94.591.117.489	32.319.590.756
- Phải trả ngắn hạn khác	11.182.296.436	4.908.883.814	5.233.852.526

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	191.352.854.908	215.136.607.754	271.424.536.420
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	36.117.321	309.863.676	450.805.107
Nợ dài hạn	252.525.559.837	105.912.439.375	115.914.011.415
- Phải trả người bán dài hạn	17.971.520.024	17.491.061.035	16.870.253.079
- Người mua trả tiền trước dài hạn	186.258.649.694	37.968.652.635	43.582.769.608
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			1.903.827.920
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	48.295.390.119	50.452.725.705	53.557.160.808
Tổng Cộng	699.159.895.527	755.963.202.975	746.422.365.941

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.590.005.152	3.590.005.152	5.383.213.973

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, 2016, BCTC quyết toán 9 tháng đầu năm 2017

11.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐV	2015	2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,24	1,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,12	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	86,88	87,44
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	662,41	696,40
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,02	2,00
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,52	0,67

Chỉ tiêu	ĐV	2015	2016
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,60	0,56
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,36	3,00
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,31	0,37
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,76	0,63
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	230	414

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị

- Danh sách Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Đỗ Trọng Toàn	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách
2.	Ông Cao Việt Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Kiểm nhiệm
3.	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Kiểm nhiệm
4.	Ông Vũ Văn Cương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Kiểm nhiệm
5.	Ông Đỗ Xuân Trường	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	Kiểm nhiệm

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Đỗ Trọng Toàn – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : Đỗ Trọng Toàn
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 04/04/1978
 Nơi sinh : Quảng Ninh
 CMND/ Hộ chiếu : 022078000713
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 08/07/2016
 Nơi cấp : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 39 Vũ Trọng Phụng, phường Quang Trung, TP.Hải Dương
 Điện thoại : 0912134261

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
7/2001-3/2002	Kế toán - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3 (nay là Công ty cổ phần Lilama 69-3)
4/2002-8/2004	Phụ trách kế toán - Cửa hàng kinh doanh vật tư & giới thiệu SP- Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
8/2004-4/2006	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
5/2006-5/2007	Phụ trách phòng Vật tư - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
5/2007-11/2007	Trưởng phòng Tài chính kế toán - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
12/2007-2/2016	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Lilama 69-3
2/2016-4/2016	Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Lilama 69-3
11/4/2016- nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Công ty CP Lilama 69-3

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Cá nhân sở hữu : 60.166 cổ phần, chiếm 0,77% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu cho Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP : 1.942.423 cổ phần, chiếm 25 % vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Ông Cao Viết Cường – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Họ và tên : Cao Viết Cường

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 30/03/1975

Nơi sinh : Quảng Ninh

CMND/ Hộ chiếu : 100629643

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 07/8/2007

Nơi cấp : Quảng Ninh

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Lô D3, Chung cư Lilama, Phường Bình Hàn, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0913256462

Trình độ chuyên môn: : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
6/1997-3/1998	Chuyên viên kinh tế - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3 (nay là Công ty cổ phần Lilama 69-3)
3/1998-8/1998	Phó trưởng phòng Kinh tế - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
8/1998-3/2000	Phụ trách KT - KT Đội công trình xi măng Nghi Sơn - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
3/2000-8/2002	Phó trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
9/2002-8/2005	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
9/2005-5/2006	Phó Giám đốc Nhà máy CTTB Hải Dương - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
5/2006-11/2007	Đội trưởng đội công trình xi măng Cẩm Phả - Công ty cổ phần Lilama 69-3
12/2007-9/2013	Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Lilama
10/2013-3/2015	Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật - Công ty cổ phần Lilama 69-3
3/2015-8/2015	Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Lilama 69-3
9/2015- nay	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	:
- Cá nhân sở hữu	: 79.326 cổ phần, chiếm 1,021% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	: 1.846.792 cổ phần, chiếm 23,77% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: Không có
Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

c) Ông Nguyễn Quốc Khánh – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	: Nguyễn Quốc Khánh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 14/08/1976
Nơi sinh	: Hải Dương
CMND/ Hộ chiếu	: 141788084
Ngày cấp/Ngày hết hạn	: 26/04/2012
Nơi cấp	: Hải Dương
Quốc tịch	: Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 113 Đặng Quốc Chinh, Phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 0913050575

Trình độ chuyên môn: : Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
4/1999-2/2002	Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3 (Nay là Công ty cổ phần Lilama 69-3)
3/2002-12/2002	Đội phó đội công trình Nghi Sơn - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
1/2003-3/2004	Đội trưởng công trình Nghi Sơn - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
4/2004-1/2005	Phó trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
2/2005-7/2006	Phụ trách phòng Thị trường - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
8/2006-12/2009	Trưởng phòng thị trường - Công ty cổ phần Lilama 69-3
1/2010 -8/2012	Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Lilama 69-3
9/2012- nay	Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Lilama 69-3
4/2017 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ :

- Cá nhân sở hữu : 33.357 cổ phần, chiếm 0.429% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d) Ông Vũ Văn Cương – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Vũ Văn Cương

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 25/04/1960

Nơi sinh : Thái Bình

CMND/ Hộ chiếu : 142649096

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 19/06/2006

Nơi cấp : Hải Dương

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số nhà A602 toà nhà Lilama, 124 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
 Điện thoại : 0912571147
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
5/1982-10/1983	Cán bộ kỹ thuật - Liên hợp Lắp máy 69
11/1983-5/1988	Cán bộ kỹ thuật - Xí nghiệp Lắp máy 69-3 (nay là Công ty cổ phần Lilama 69-3)
6/1994-12/1999	Đội trưởng công trình - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
1/2000-4/2001	Trưởng văn phòng đại diện tại công trình xi măng Nghi Sơn - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
5/2001-7/2002	Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
8/2002-10/2003	Phó Giám đốc Công ty - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
11/2003-12/2011	Giám đốc các ban dự án Xi măng Sông Thao, Xi măng Đô Lương, Thủy điện Lai Châu - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
1/2012-10/2013	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Lilama Hà Nội
11/2013-2/2014	Phó trưởng phòng Quản lý cơ giới - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
3/2014- 4/2016	Phó giám đốc Ban dự án lọc hoá dầu Nghi Sơn - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
5/2016- nay	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e) Ông Đỗ Xuân Trường – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Họ và tên : Đỗ Xuân Trường
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 22/07/1981

Nơi sinh : Ninh Bình
 CMND/ Hộ chiếu : 012989688
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 28/12/2007
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Phòng 507, Cầu thang 2, A25 Khu tập thể Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
 Điện thoại : 0983844568
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính doanh nghiệp
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm	Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
2005-11/2006		Kế toán viên - Công ty cổ phần sữa Hà Nội
12/2006-2/2016		Kế toán viên - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
16/2/2016 – nay		Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng công ty - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 5.262 cổ phần, chiếm 0.067% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu cho Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP : 1.398.544 cổ phần, chiếm 18% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

13.2 Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Cao Thị Dự	Trưởng ban kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên ban kiểm soát
3.	Ông Lưu Sỹ Học	Thành viên ban kiểm soát

a) Bà Cao Thị Dự – Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên : Cao Thị Dự
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 22/02/1968
 Nơi sinh : Thái Bình
 CMND/ Hộ chiếu : 142493739
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 22/06/2005

Nơi cấp : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Khu 12 Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
 Điện thoại : 0913295642
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán doanh nghiệp
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
12/1989-7/1997	Nhân viên Kế toán - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3 (nay là Công ty cổ phần Lilama 69-3)
8/1997-10/2000	Phó trưởng phòng tài vụ - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
11/2000-6/2002	Phụ trách phòng Kế hoạch - Đầu tư - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
7/2002-2/2003	Trưởng ban Quản lý dự án làng Lilama - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
3/2003-12/2006	Trưởng phòng Quản lý Dự án - Công ty Lắp máy & Xây dựng 69-3
1/2007-9/2009	Phó giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế - Công ty cổ phần Lilama 69-3
10/2009-5/2013	Trưởng ban Quản lý dự án Nhà máy CTTB Lilama 69-3 - Công ty cổ phần Lilama 69-3
6/2013-2/2016	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần dịch vụ CN Lilama; Công ty CP Thiết kế công nghiệp & hệ thống kỹ thuật Lilama 69-3
3/2016-4/2016	Phó trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư - Công ty cổ phần Lilama 69-3
4/2016 – nay	Trưởng ban Kiểm soát - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Trưởng ban kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 15.730 cổ phần, chiếm 0,202% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b) Bà Nguyễn Thị Nga – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Thị Nga
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 10/05/1984

Nơi sinh : Quảng Ninh
 CMND/ Hộ chiếu : 022184001832
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 22/08/2016
 Nơi cấp : Quảng Ninh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Tổ 5, Khu Hồng Thạch A, phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh
 Điện thoại : 01676432246
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kế toán
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
Đến tháng/ năm	
1/2009-2/2016	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần Dịch vụ CN Lilama
4/2016 – nay	Nhân viên kế toán – Công ty cổ phần Lilama 69-3
4/2017 – nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Thành viên Ban kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c) Ông Lưu Sỹ Học – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên : Lưu Sỹ Học
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 11/06/1978
 Nơi sinh : Vĩnh Phúc
 CMND/ Hộ chiếu : 013402907
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 27/05/2011
 Nơi cấp : Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Tổ 36 Cụm 5, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.
 Điện thoại : 0903271168
 Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
Đến tháng/ năm	

Từ năm 2000 đến 4/2005	Phụ trách kế toán - Công ty Cổ phần Xây lắp Hùng Vương
Từ T5/2005 đến 3/2008	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên
Từ 4/2008 đến 12/2008	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hải Phòng
Từ 01/2009 đến nay	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP
26/4/2012 đến nay	Thành viên BKS CTCP Lilama 693

Chức vụ tại công ty	: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	:
- Cá nhân sở hữu	: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	: 5.187.759 cổ phần chiếm 66,77% vốn điều lệ
Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

13.3 Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Cao Viết Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
2.	Ông Vũ Văn Cương	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Đào Viết Khuây	Phó Tổng Giám đốc
5.	Ông Đỗ Văn Vượng	Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông Phạm Xuân Định	Phó Tổng Giám đốc

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

a) Ông Cao Viết Cường – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

b) Ông Vũ Văn Cương – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

c) Ông Nguyễn Quốc Khánh – Phó Tổng Giám đốc

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

d) Ông Đào Việt Khuây – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Đào Việt Khuây
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 29/05/1960
 Nơi sinh : Thái Bình
 CMND/ Hộ chiếu : 142005769
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 13/10/2014
 Nơi cấp : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 40/286 Đường Điện Biên Phủ, Phường Bình Hàn, TP Hải Dương
 Điện thoại : 0913255810
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư chế tạo máy
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
11/1982- 9/1983	Kỹ thuật thi công - Xí nghiệp liên hợp lắp máy 69
10/1983– 3/1987	Nhân viên phòng kỹ thuật - Xí nghiệp lắp máy 69 – 3 - Uông Bí - Quảng Ninh
4/1987 – 2/1988	Kỹ thuật thi công - Xí nghiệp liên hợp lắp máy 45
3/1988 – 8/1991	Đội phó đội Đất đèn - Công ty lắp máy & XD 69-3
9/1991 – 4/2003	Lần lượt giữ các chức vụ: Đội trưởng công trình, Trưởng phòng thiết bị, Trưởng ban quản lý dự án - Công ty lắp máy & XD 69-3
5/2003 – 5/2005	Giám đốc Nhà máy CTTB & Đóng tàu - Công ty lắp máy & XD 69-3
6/2005 – 7/2008	Phó tổng giám đốc Công ty kiêm giám đốc Nhà máy CTTB Hải Dương - Công ty Cổ phần Lilama 69-3
8/2008 – 8/2012	Phó tổng giám đốc Công ty được giao nhiệm vụ giữ chức Tổng giám đốc Công ty CP ĐT & CTTB lilama 69-3 Cửa Ông (Công ty liên kết) - Công ty cổ phần Lilama 69-3
9/2012 đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty - Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 28.199 cổ phần, chiếm 0,363% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Nguyễn Thị Lan (Vợ) : 233 cổ phần, chiếm 0,0029% vốn điều lệ
 Đào Việt Phong : 58 cổ phần, chiếm 0,00075% vốn điều lệ
 Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e) Ông Đỗ Văn Vượng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Đỗ Văn Vượng
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 28/05/1973
Nơi sinh : Quảng Ninh
CMND/ Hộ chiếu : 142577070
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/06/2009
Nơi cấp : Hải Dương
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số nhà 10A/74 Cô Đông, Bình Hàn, thành phố Hải Dương
Điện thoại : 0912609422
Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 6/2001 đến 3/2004	Nhân viên Phòng Kinh tế kỹ thuật - Công ty lắp máy & XD 69-3
Từ 4/2004 đến 10/2015	Phó ban Kinh tế kỹ thuật công nghệ NMHD - Công ty lắp máy & XD 69-3
Từ 11/2005 đến 2/2006	Trưởng ban Kinh tế kỹ thuật công nghệ NMHD - Công ty lắp máy & XD 69-3
Từ 3/2006 đến 9/2007	Quản đốc PXCK 1 Nhà máy CTTB Hải Dương - Công ty lắp máy & XD 69-3
Từ 10/2007 đến 12/2011	Phó giám đốc Nhà máy CTTB Hải Dương - Công ty CP Lilama 69-3
Từ 01/2012 đến 7/2016	Giám đốc Nhà máy CTTB Hải Dương - Công ty CP Lilama 69-3
Từ 8/2016 đến nay	Giám đốc Nhà máy CTTB Hải Dương kiêm nhiệm vụ Giám đốc Ban dự án trạm nghiên XM Xuân Thành giai đoạn II-Công ty cổ phần Lilama 69-3
Từ 01/2017 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ :
- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan : Không có
Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f) Ông Phạm Xuân Định – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : Phạm Xuân Định
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 15/01/1976
 Nơi sinh : Hải Dương
 CMND/ Hộ chiếu : 141799109
 Ngày cấp/ Ngày hết hạn : 27/10/2006
 Nơi cấp : Hải Dương
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 94, Đình Văn Tả, Khu 10, Bình Hàn, thành phố Hải Dương
 Điện thoại : 0983815780
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi
 Quá trình công tác :

Từ tháng/ năm Đến tháng/ năm	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 3/2003 đến 11/2005	Nhân viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy và XD 69-3
Từ 12/2005 đến 12/2006	Phó Trưởng ban Kinh tế kế hoạch Nhà máy CTTB Hải Dương. Công ty Lắp máy và XD 69-3
Từ 01/2006 đến 8/2008	Trưởng ban Kinh tế kế hoạch Nhà máy CTTB Hải Dương - Công ty Lắp máy và XD 69-3
Từ 9/2008 đến 10/2015	Đội trưởng Đội dịch vụ công nghiệp số 3 – Công ty cổ phần dịch vụ công nghiệp Lilama
Từ 11/2015 đến 4/2016	Đội trưởng Đội lắp máy số 2 – Công ty cổ phần Lilama 69-3
Từ 5/2016 đến 04/2017	Đội trưởng Đội lắp máy số 2 kiêm nhiệm vụ Phó giám đốc Ban dự án XM Xuân Thành – Công ty cổ phần Lilama 69-3
Từ 05/2017 đến Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 69-3

Chức vụ tại công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ :
 - Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Sở hữu chứng khoán ở Công ty khác : Không có
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

g) Ông Đỗ Xuân Trường – Kế toán trưởng

Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT

14. Tài sản

14.1. Tài sản cố định

Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016:

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	293.171.402.407	127.764.978.471	165.406.423.936
Nhà cửa vật kiến trúc	151.138.350.061	44.189.474.413	106.948.875.648
Máy móc thiết bị	102.553.715.594	54.354.168.352	48.199.547.242
Phương tiện vận tải	36.691.002.911	26.641.626.982	10.049.375.929
Thiết bị dụng cụ quản lý	2.721.593.841	2.512.968.724	208.625.117
Tài sản cố định khác	66.740.000	66.740.000	-
Tài sản cố định thuê tài chính	26.901.433.998	1.509.887.331	25.391.546.667
Máy móc thiết bị	15.596.713.636	723.228.145	14.873.485.491
Phương tiện vận tải	11.304.720.362	786.659.186	10.518.061.176
Tài sản cố định vô hình	370.720.000	-	370.720.000
Quyền sử dụng đất	370.720.000	-	370.720.000
Tổng cộng	320.443.556.405	129.274.865.802	191.168.690.603

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng hết để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 148.683.740.564 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.829.496.885 đồng.

14.2. Tình hình đất đai của Công ty

TT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê	Ghi chú
Khu vực Kinh Môn – Hải Dương							
1	NM CTTB & Đóng tàu Lilama 69-3	1.771	Xây nhà ở tập thể cho CBCNV	Xây nhà ở tập thể cho CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 1028/HĐTD ngày 10/08/2009 cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BT121702 cấp ngày 08/01/2015	Từ 07/2003 đến 07/2033	
2	NM CTTB & Đóng tàu Lilama 69-3	23.620	Xây dựng Nhà máy CTTB & đóng tàu Lilama 69-3	Xây dựng Nhà máy CTTB & đóng tàu Lilama 69-3	Thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 1028/HĐTD ngày 10/08/2009 cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL569255 cấp ngày 03/09/2009	Từ 07/2003 đến 07/2033	
3	Công trình Hoàng Thạch	3.707	Xây dựng văn phòng làm việc	Xây dựng văn phòng làm việc	Thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 960/HĐTD ngày 16/02/2009 cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AL569113 cấp ngày 16/04/2009	Từ 20/09/2005 đến 20/09/2055	
4	Khu đất tại Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	416	Không có	Đất ở đô thị	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP880801 ngày 10/11/2009	Lâu dài	
5	Khu đất tại thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	269,1	Không có	Đất ở đô thị	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 569300 ngày 10/11/2009	Lâu dài	
Thành phố Hải Dương							

1	Khu 313 Điện Biên Phủ	1.803	Xây dựng văn phòng làm việc và tập thể CBCNV	Xây dựng văn phòng làm việc và tập thể CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 961/HĐTD ngày 16/02/2009 cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BT121701 cấp ngày 08/01/2015.	19/01/2005 – 19/01/2035
2	Khu 515 Điện Biên Phủ	26.086	Xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất	Xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất	Thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 962/HĐTD ngày 16/02/2009 cùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN459209 cấp ngày 09/10/2013	08/1999 – 14/08/2029
3	Khu 286B Điện Biên Phủ	960	Xây dựng tập thể CBCNV	Xây dựng tập thể CBCNV	Thuê đất trả tiền hàng năm theo biên bản xác định diện tích đất cho thuê ngày 20/07/2004 cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng tạm thời đất ở	
4	NM CTTB Lilama 69-3 Từ Kỳ	110.000	Xây dựng Nhà máy CTTB Lilama 69-3 Từ Kỳ	Xây dựng Nhà máy CTTB Lilama 69-3 Từ Kỳ	Thuê đất trả tiền hàng năm theo Hợp đồng số 1137/HĐTD số ngày 24/05/2010 (đợt 1) cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA631306 ngày 28/03/2011	04/5/2010- 04/5/2060
	Tổng	168.103,1				

Nguồn: Lilama 69-3

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	KH năm 2017	Tăng/ giảm
1	Doanh thu, thu nhập khác	1.000 đồng	577.468.443	510.000.000	-11,68%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đồng	4.026.353	5.200.000	29,15%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đồng	3.219.282	4.160.000	29,22%
4	Tỷ lệ LNST/DTT	%	0,55	0,81	0,26
5	Tỷ lệ LNST/VCSH	%	2,96	3,2	0,24
6	Tỉ lệ trả cổ tức/năm	%	3%	3%	-

Nguồn: Lilama 69-3

Năm 2017 thị trường có sự cạnh tranh gay gắt của các nhà thầu trong nước cùng ngành nghề, cũng như cạnh tranh của các nhà thầu Trung Quốc... Công ty đã xây dựng kế hoạch doanh thu 510 tỷ đồng, so với kế hoạch doanh thu 2016: 480 tỷ đồng, KH năm 2017 tăng so KH 2016 là 6%. Tuy nhiên, bên cạnh các công trình chuyển tiếp của năm 2016, công ty đã tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường. Tính đến hết tháng 9 năm 2017, doanh thu đạt 494,3 tỷ đạt 96,9% kế hoạch năm.

Đối với lĩnh vực thiết kế, chế tạo thiết bị ... Lilama 69-3 hiện là nhà thầu uy tín của nhiều dự án về xi măng, nhiệt điện lớn đang xây dựng trong nước. Cùng với đó Công ty hiện đang thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy xi măng, nhiệt điện đã đi vào hoạt động.

Nhờ đảm bảo được uy tín trong các dự án xây lắp quan trọng, việc đạt được doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch là khả thi. Tuy nhiên, việc thực hiện được kế hoạch kinh doanh 2017 sẽ phụ thuộc vào kết quả đợt tăng vốn, để đảm bảo thuận lợi trong hoạt động nhờ cơ cấu tài chính lành mạnh, chủ động nguồn vốn kinh doanh. Trong trường hợp không huy động đủ nguồn vốn chủ sở hữu tài trợ cho vốn lưu động, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc công ty cũng đã cân nhắc và lên kế hoạch sử dụng những nguồn vốn khác như vốn vay ngân hàng, nợ nhà cung cấp ... để vẫn thực hiện được chiến lược kinh doanh do ĐHCĐ đã thông qua.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự

báo về tình hình hoạt động kinh doanh mà Công ty cổ phần Lilama 69-3 đang hoạt động cũng như khả năng tăng trưởng của ngành.

Theo định hướng phát triển doanh nghiệp phù hợp với chính sách của Nhà nước và sự kỳ vọng vào quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong tương lai, sự hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, căn cứ vào việc đẩy mạnh đầu tư vào ngành công nghiệp nặng, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty có khả năng tăng trưởng cao.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng khác tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận, cổ tức mà Công ty đề ra năm 2017 là có tính khả thi khi việc huy động vốn trên thị trường chứng khoán thuận lợi. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom theo Quyết định số 610/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Cổ phiếu phát hành thêm được lưu ký bổ sung tại VSD và đăng ký giao dịch bổ sung tại HNX theo đúng quy định pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

2.230.309 cổ phiếu

Trong đó:

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 467.540 cổ phiếu từ nguồn Thặng dư vốn cổ phần

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiệu hữu: 1.762.769 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá trị trường của cổ phiếu L63

Giá giao dịch bình quân 60 ngày gần nhất của L63 trên sàn Upcom: 5.589 đồng/cổ phiếu

Giá giao dịch hiện tại (ngày 04/04/2017): 7.000 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách (BV)

BV tại ngày 31/12/2016:

Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu đang lưu hành

= 108.522.354.547/7.769.691

= 13.971 đồng/cổ phiếu

(Số liệu theo BCTC năm 2016 đã được kiểm toán của Công ty)

Căn cứ thực tế giá trị sổ sách và giá giao dịch cổ phiếu L63 trên thị trường hiện tại, để đảm bảo kế hoạch huy động vốn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đề xuất giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần tại Nghị quyết số 01/2017/BB-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017.

6. Phương thức phân phối

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Lilama 69-3.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến sẽ được Công ty thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCKNN cấp.

Lộ trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1.	UBCKNN chấp thuận phát hành cổ phiếu	Ngày D
2.	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	D + 2
3.	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp	D đến D + 7
4.	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 10
5.	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 12
6.	Phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+12 đến D+22
7.	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+44
8.	Tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu	D+45 đến D+47
9.	VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D+48 đến D+50
10.	Xử lý số cổ phần từ chối mua và cổ phiếu lẻ phát sinh	D+51 đến D+56
11.	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 57

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
12.	Nhận giấy phép lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 67
13.	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	D+58 đến D+68
14.	Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức giao dịch	D + 70

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn đăng ký mua cổ phần: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua cổ phần ngay sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Theo quy định, thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho cổ đông hiện hữu tối thiểu là 20 ngày. Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì đăng ký thực hiện quyền tại Công ty cổ phần Lilama 69-3.
- Phương thức thanh toán:
 - + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua cổ phần và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản
 - + Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty cổ phần Lilama 69-3
- Chuyển giao cổ phiếu: Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Lilama 69-3 sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Lilama 69-3.

Toàn bộ số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

Các nội dung trên sẽ được quy định cụ thể tại Bản thông báo phát hành, sẽ được thực hiện công bố thông tin và thông báo tới các cổ đông.

9. Phương thức thực hiện quyền

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 100:6, theo đó, tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu thưởng. Số lượng cổ phiếu thưởng được nhận được tính theo công thức: Số cổ phiếu thưởng = Số quyền mua : 100 x 6. Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có) và cổ phiếu không phân phối hết: Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết phát sinh sẽ được hủy bỏ, coi như không được phát hành.

Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 1.000:226, theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua. Số lượng cổ phiếu được mua được tính theo công thức: Số cổ phiếu được mua = Số quyền mua : 1.000 x 226. Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Quyền mua của cổ đông được tự do chuyển nhượng nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần, người nhận chuyển nhượng không được phép chuyển nhượng cho người thứ ba.

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền hoặc không đăng ký mua hết số lượng cổ phần mới phát hành thêm thuộc quyền mua và/hoặc tồn tại các cổ phần lẻ (nếu có) do quy định phân phối làm tròn và cổ phiếu không phân phối hết, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động chào bán tiếp số cổ phần này cho các đối tượng khác do Hội đồng quản trị lựa chọn với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí sau:

- ✓ Tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu hoặc các nhà đầu tư khác có năng lực tài chính hoặc có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- ✓ Có mức giá chào mua phù hợp với phương án chào bán.
- ✓ Có mong muốn đầu tư lâu dài; sẵn sàng hỗ trợ, đồng hành cùng sự phát triển của Công ty.

Trường hợp quá trình phân phối số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu không chào bán hết làm phát sinh các điều kiện bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ, Hội đồng quản

trị tiến hành xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết.

Đối với số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có) và cổ phiếu không phân phối hết sẽ ủy quyền cho HĐQT Công ty phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Trường hợp tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác mà vẫn không bán hết thì Công ty chỉ thực hiện tăng vốn điều lệ theo đúng số lượng phát hành thành công.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: *“Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó. Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%”*.

Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa đối với các ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty cổ phần Lilama 69-3 là 0%. Do theo danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) thì ngành nghề kinh doanh *“Sản xuất gạch từ đất sét”* thuộc ngành, phân ngành không cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với NĐTNN.

Tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông (30/03/2017) của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là: 0%

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba;

Số lượng cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Công ty

Hiện nay, công ty đang phải nộp các loại thuế với mức thuế suất tương ứng sau:

a. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp:

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành thì suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty phải nộp hiện tại là 20%.

b. Thuế giá trị gia tăng:

Thuế giá trị gia tăng áp dụng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

❖ Đối với nhà đầu tư

a. Đối với nhà đầu tư cá nhân

✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

✓ Thu nhập từ cổ tức:

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ tức, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

b. Đối với nhà đầu tư tổ chức

✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN 2008 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu thuế.

✓ Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở như sau:

Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Lilama 69-3

Số tài khoản: 46010003087014

Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải

Dương

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2017NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 27/04/2017; nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được dùng để: *bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất của Công ty.*

2. Định hướng của Công ty

2.1 Định hướng phát triển

Lilama 69-3 phấn đấu trở thành nhà thiết kế, cung cấp thiết bị, phụ tùng, lắp đặt thiết bị và dịch vụ công nghiệp chuyên nghiệp hàng đầu trong nước và khu vực. Hướng đến là nhà tổng thầu chuyên nghiệp thực hiện EPC các nhóm ngành công nghiệp xi măng, thép, vật liệu xây dựng, cảng vận tải, khai thác mỏ.

Công ty tiếp tục tập trung phát triển ngành nghề truyền thống, mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài, chế tạo thiết bị xuất khẩu; phụ tùng thay thế, phát triển sâu rộng lĩnh vực sửa chữa, bảo trì các nhà máy, công trình công nghiệp, trong đó:

- + Lĩnh vực thiết kế, chế tạo thiết bị (đạt khoảng 50% giá trị doanh thu)
- + Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, sửa chữa, bảo trì (đạt khoảng 25% giá trị doanh thu)
- + Lĩnh vực lắp máy (đạt khoảng 25% giá trị doanh thu)

Tập trung đầu tư công nghệ máy móc, tiến bộ khoa học kỹ thuật của các quốc gia có ngành cơ khí chế tạo mạnh trên thế giới vào sản xuất phù hợp với ngành công nghiệp tại Việt Nam. Tiếp tục duy trì các hoạt động hiện nay đang ổn định, đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

Kiểm soát chặt chẽ chi phí, tiết kiệm chi tiêu đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo nhân sự của Công ty hoạt động đồng bộ, làm việc hiệu quả.

2.2 Chỉ tiêu kế hoạch SXKD giai đoạn 2017-2021:

Để cụ thể hóa các mục tiêu trên, Công ty cổ phần Lilama 69-3 xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến cho năm 2017 và giai đoạn 2018-2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	KH năm 2021
1	Doanh thu	1.000 đ	510.000.000	550.000.000	580.000.000	620.000.000	660.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	5.200.000	7.500.000	9.600.000	10.200.000	15.200.000
3	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	4.160.000	6.000.000	7.680.000	8.160.000	12.160.000
4	Tỉ lệ trả cổ tức/năm	%	3%	5%	5%	5%	8%

Nguồn: Lilama 69-3

2.3 Giải pháp cụ thể



➤ Giải pháp về ngành nghề, thương hiệu và thị trường

- Tăng cường mối quan hệ với đối tác truyền thống, giữ vững và mở rộng thị trường bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy xi măng.
- Mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm phát triển mạnh lĩnh vực gia công chế tạo thiết bị, tăng tỉ trọng hàng xuất khẩu. Phần đầu trở thành mắt xích quan trọng của các Tập đoàn kinh tế lớn là bạn hàng truyền thống của Công ty trong và ngoài nước trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện dự án xi măng Xuân Thành và các dự án trọng điểm khác hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng.
- Đối với thị trường xây lắp: Ưu tiên khai thác phân khúc điện, đặc biệt là các dự án có tên trong Danh mục các dự án nhiệt điện đưa vào vận hành giai đoạn 2013-2020, đồng thời tham gia một cách cân đối hơn vào phân khúc thị trường công nghiệp chế biến/chế tạo.
- Đối với thị trường cơ khí chế tạo: Mở rộng danh mục sản phẩm trong lớp công nghệ hiện tại, trong đó chú trọng lớp thiết bị phụ trợ cao cấp, đồng thời tham gia vào các hoạt động tạo giá trị cao (thiết kế và quản lý dự án). Xây dựng năng lực để tham gia vào lớp công nghệ cao hơn - chế tạo cấu kiện quan trọng.

➤ Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ

- Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp; tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng.
- Về đầu tư: Khai thác sử dụng phát huy tối đa nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị đã đầu tư. Đầu tư bổ sung phương tiện vận chuyển, xe cầu phục vụ thi công, nâng cao năng lực thiết bị công nghệ có năng suất, chất lượng và hiệu quả phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

➤ Giải pháp về tài chính, vốn

- Tăng cường đẩy mạnh công tác thu hồi vốn các công trình, dự án thi công đã hoàn thành để đảm bảo đủ vốn cho SXKD, đẩy nhanh vòng quay của vốn, tiết kiệm tối đa các chi phí, lãi vay.
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nội dung thuộc Đề án tái cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2012-2016, định hướng đến năm 2020 đã được Đại

hội đồng cổ đông thông qua.

➤ **Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:**

- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, các phòng ban chức năng tinh gọn hơn. Tiếp tục tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động; lập quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

➤ **Giải pháp nâng cao năng suất lao động**

- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức các tổ, đội sản xuất; đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao trình độ quản lý cho tổ trưởng, đội trưởng; sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, loại bỏ những khâu và công đoạn thừa, bất hợp lý.
- Đầu tư mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ thi công tiên tiến, hiện đại để tăng hiệu quả và năng suất lao động.

➤ **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

- Tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung nhân sự, đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty. Không ngừng cải tiến các quy trình quản lý, quy chế tiền lương nhằm khuyến khích lao động làm việc có trình độ, chuyên môn, năng suất cao và gắn bó lâu dài với Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng giá trị cổ phiếu thưởng phát hành từ nguồn vốn thặng dư cổ phần tính đến thời điểm 31/12/2016 là 4.675.400.000 đồng được Công ty bổ sung vào nguồn vốn lưu động cho các dự án của Công ty.

Tổng giá trị cổ phiếu dự tính thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 17.627.690.000 đồng (*trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu*), số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu dự kiến sử dụng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Kế hoạch sử dụng vốn	Số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu thưởng (đồng)	Số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (đồng)	Tổng cộng
1	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ thi công Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1	1.500.000.000	8.000.000.000	9.500.000.000

2	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ thi công Dự án Núi Béo	1.675.400.000	7.627.690.000	9.303.090.000
3	Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ thi công sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên các Nhà máy Xi măng	1.500.000.000	3.000.000.000	4.500.000.000
Tổng		4.675.400.000	17.627.690.000	22.303.090.000

Hoạt động kinh doanh chính và thường xuyên của Công ty cổ phần Lilama 69-3 là xây dựng công trình công nghiệp, lắp đặt, bảo dưỡng máy móc thiết bị công nghiệp. Việc bổ sung vốn lưu động của Công ty khi tăng vốn điều lệ nhằm thực hiện hoạt động lắp đặt thi công các dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1, Dự án Núi Béo, và bảo dưỡng thường xuyên các nhà máy Xi măng thông qua việc ký các hợp đồng cung cấp thiết bị, lắp đặt với các chủ đầu tư dự án.

Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty, cụ thể là mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân viên thi công các dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, Dự án Núi Béo. Mua vật tư, công cụ dụng cụ, nhân công sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên các nhà máy xi măng Nghi Sơn, xi măng Hải Phòng, xi măng Chinfon ...

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn phát hành

Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà TT Hội nghị Công Đoàn, số 01 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 8181888

Fax: (84-24) 3 8181688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh Tp. HCM:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 39151368

Fax: (84-28) 3 9151369

Chi nhánh Đà Nẵng:

Địa chỉ: Số 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Điện thoại: (84-236) 3525777

Fax: (84-236) 3525779

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Số 3, Biệt thự 2, KĐT Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3767 0720

Fax: (84-24) 3767 0721

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn và Bảo lãnh phát hành về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn phát hành đã thu thập được về Công ty cổ phần Lilama 69-3, SHS có những nhận định sau:

Là doanh nghiệp hoạt động có uy tín lâu năm trong lĩnh vực chế tạo máy, lắp máy, bảo trì công nghiệp, trong đó quy mô vốn là một vấn đề nổi bật nhất, hạn chế khả năng cạnh tranh và phát triển.

Đối với định hướng phát triển trở thành một đơn vị lớn mạnh trong ngành chế tạo lắp máy và tạo nên thương hiệu cho Công ty cổ phần Lilama 69-3 cả trong và ngoài nước, chúng tôi đánh giá là phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế trong nước như hiện nay. Cụ thể, phương án sử dụng vốn để bổ sung nguồn vốn lưu động cho các dự án lớn của Công ty sẽ tạo nên tiền đề vững chắc về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vì vậy, dựa trên những nhận định trình bày phía trên, Tổ chức tư vấn tin tưởng vào sự thành công theo đúng kế hoạch về đợt phát hành lần này của Tổ chức phát hành.

Hải Dương, ngày 29 tháng 11 năm 2017

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-3**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ TRỌNG TOÀN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CAO THỊ DỰ

TỔNG GIÁM ĐỐC

CAO VIỆT CƯỜNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC TIÊN